

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH VĨNH LONG

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/DS-ST

Ngày: 10/01/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Thái Vạn Thuận

2. Ông Nguyễn Văn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồ Quế Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 10 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 212/2023/TLST- DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2023/QĐXX-ST, ngày 07 tháng 12 năm 2023 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ái L, sinh năm 1979, nơi cư trú số A, ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

2. *Bị đơn:*

1/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 (Có mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/8/2023 của nguyên đơn và trong quá trình xét xử nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/5/2023 (âm lịch) bà L có cho ông Nguyễn Văn T và vợ bà Nguyễn Thị Cẩm H vay số tiền 230 triệu đồng, thời gian vay tiền đến 30/11/2023 âm lịch trả. Mục đích vay tiền là để bị đơn mua đất và cất nhà để ở, ngoài ra bà L có làm chủ hội bà H và ông T có tham gia góp hội, sau khi mãn hội thì ông T và bà H còn nợ lại bà L hội

chết số tiền 139 triệu đồng, việc vay và tính toán nợ hui, hai bên thỏa thuận nợ hui cộng gộp với nợ vay bằng số tiền nợ tổng cộng là 369 triệu đồng thì đôi bên có làm biên nhận nợ (giấy đầu) cùng ngày do bà **H** tự tay viết, ông **T** và bà **H** ký tên và đã nhận tiền đầy đủ. Theo thỏa thuận thì ông **T** và bà **H** trả lãi cho bà **L** là 20%/năm, trả lãi hàng tháng. Từ khi vay tiền cũng như đến hạn trả tiền thì ông **T** và bà **H** không trả tiền lãi cũng như vốn gốc và nói không còn khả năng trả tiền cho bà **L** nên kêu bà **L** khởi kiện. Bà **Nguyễn Thị Ái L** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết

- Buộc ông **Nguyễn Văn T** và bà **Nguyễn Thị Cẩm H** có trách nhiệm trả cho bà **L** số tiền vay vốn gốc là 230 triệu đồng, tiền lãi tính từ ngày 17/7/2023 (ngày 30/5/2023 âm lịch) đến ngày 29/8/2023 lãi suất 1,67%/ tháng bằng số tiền 5.747.000 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Nguyễn Văn T** và bà **Nguyễn Thị Cẩm H** có trách nhiệm trả cho bà **L** số tiền vốn gốc là 139 triệu đồng, tiền lãi tính từ ngày 17/7/2023 đến ngày 29/8/2023 lãi suất 10%/ năm bằng số tiền 1.153.500 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Không đồng ý cho trả dần.

* *Ý kiến trình bày của bị đơn ông **Nguyễn Văn T***: Phía bị đơn xác định ông **Nguyễn Văn T** và bà **Nguyễn Thị Cẩm H** có vay tiền và nợ tiền hui của bà **Ái L** là đúng như bà **L** trình bày, giấy ghi nợ ngày 30/5/2023 âm lịch là do vợ ông là bà **H** viết và ông với bà **H** ký tên giao cho bà **L** giữ. Theo thỏa thuận bà **L** cho bị đơn vay tiền đến tháng 11 âm lịch năm 2023 mới đến hạn trả vốn gốc, còn tiền lãi trả hàng tháng nhưng do làm ăn không thuận lợi không có tiền đóng lãi cho bà **L** nên ông **T** và bà **H** có nói với bà **L** không còn khả năng trả nợ, bà **L** khởi kiện ra Tòa án để giải quyết nợ thì bị đơn thống nhất cùng bà **L** giải quyết cho xong, bà **H** không đến Tòa án giải quyết nợ là do đi làm công cho người ta ở Bình Dương không nghĩ về được nhưng Tòa án mời bà **H** biết nhưng vợ chồng ông **T** đi giải quyết nợ với bà **L** còn bà **H** vắng mặt. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà **L** bị đơn có ý kiến như sau: Thống nhất nợ vay là 230 triệu đồng, nợ hui chết là 139 triệu đồng bị đơn đồng ý trả vốn gốc là 369 triệu đồng, còn tiền lãi không đồng ý trả vì không có khả năng. Và xin trả dần để bị đơn về thu sếp bán tài sản trả.

- *Ý kiến trình bày của bị đơn bà **Nguyễn Thị Cẩm H***: Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm bà **H** hoàn toàn không có ý kiến hay văn bản gì gửi cho Tòa án.

- *Tại phiên tòa*:

- Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Nguyễn Văn T** và bà **Nguyễn Thị Cẩm H** có trách nhiệm trả cho bà **L** số tiền vay vốn gốc là 369 triệu đồng, tiền lãi tính từ ngày 17/7/2023 đến ngày 10/01/2024, tính chẵn 6 tháng, lãi suất 1,67%/ tháng bằng số tiền 36.973.000 đồng. Không đồng ý cho bị đơn trả dần.

- *Ý kiến bị đơn ông **Nguyễn Văn T***: Thống nhất nợ vay vốn gốc là 369 triệu đồng bị đơn đồng ý trả vốn gốc là 369 triệu đồng và tiền lãi 36.973.000 đồng như nguyên đơn yêu cầu nhưng xin trả dần mỗi tháng làm có dư bao nhiêu thì trả cho nguyên đơn bao nhiêu cho đến khi hết nợ vì hiện tại bị đơn khó khăn về kinh tế không có tiền để trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ái L có đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1977 cùng nơi cư trú ấp T, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T và bà H trả số tiền nợ gốc là 369.000.000 đồng và tiền lãi theo giấy đầu lập ngày 30/5/2023 (âm lịch). Do đó, căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ dự phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham dự phiên tòa sơ thẩm vào các ngày 22/12/2023 và ngày 10/01/2024 cho bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ Khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Cẩm H.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ái L theo chứng cứ là giấy đầu (giấy nợ), số tiền nợ thể hiện đúng nội dung, có họ tên và chữ ký tên của bị đơn với nội dung tính đến ngày 30/5/2023 âm lịch bị đơn có nợ nguyên đơn số tiền 369.000.000 đồng là đúng. Mặt khác, tại phiên tòa có mặt bị đơn ông Nguyễn Văn T cũng thừa nhận ông T và bà H có nợ bà L số tiền tổng cộng là 369.000.000 đồng là đúng, bị đơn đồng ý trả số tiền này nhưng chưa có tiền để trả. Tòa án nhân dân huyện Long Hồ đã thông báo hợp lệ về việc công khai chứng cứ là giấy đầu (giấy nợ) ngày 30/5/2023 âm lịch do nguyên đơn xuất trình, đến tại phiên tòa hôm nay Tòa án nhân dân huyện Long Hồ cũng chưa nhận được chứng cứ nào thể hiện bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H phản đối chứng cứ do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ái L đưa ra nên giấy đầu ngày 30/5/2023 âm lịch được xem là tình tiết, văn bản mà nguyên đơn không phải chứng minh, được quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, vì vậy bà Nguyễn Thị Ái L yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Cẩm H trả số tiền nợ vốn gốc là 369.000.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu tính lãi suất của bà L đối với ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Cẩm H phải thanh toán số tiền lãi tính từ ngày 17/7/2023 (ngày 30/5/2023 âm lịch) đến ngày 10/01/2024 tính chẵn là 6 tháng với mức lãi suất 1,67%/tháng phát sinh trên vốn gốc là 369.000.000 đồng bằng số tiền 36.973.000 đồng là có căn cứ. Bởi vì, đối với nguồn gốc khoản tiền nợ thì có tiền vay mới và tiền nợ hui chết trước đó nhưng phía bị đơn không có tiền để trả cho nguyên đơn nên đôi bên có thỏa thuận thành tiền vay cho nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên vốn gốc là có cơ sở. Căn cứ Khoản 1 Điều 468 quy định “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...”. Hợp đồng vay tài sản giữa bà L và ông T, bà H là hợp đồng vay có thỏa thuận lãi suất và lãi suất bà L yêu cầu bị đơn trả lãi suất 20%/năm bằng 1,67%/tháng (không vượt 20%/năm) là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tổng cộng vốn gốc và

lãi ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Cẩm H phải có trách nhiệm trả cho bà L là 405.973.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Cẩm H phải nộp án phí là $(400.000.000đ \times 5\% + 5.973.000đ \times 4\%) = 20.239.000$ đồng. Bà L không phải nộp án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ái L đối với ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Cẩm H.

2. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Cẩm H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Ái L số tiền là 405.973.000 đồng (Bốn trăm lẻ năm triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn đồng). (Trong đó, vốn gốc là 369.000.000 đồng, tiền lãi là 36.973.000 đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo Khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Cẩm H phải nộp số tiền 20.239.000 đồng (Hai mươi triệu hai trăm ba mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ái L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.368.000 đồng (Chín triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0000043 ngày 12/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn ông Nguyễn Văn T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND. Tỉnh Vĩnh Long 01;
- VKSND.H Long Hồ 01;
- Chi cục THADS.H Long Hồ 01;
- Các đương sự 03;
- Lưu hồ sơ 02.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Diễm